

# TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN 2017-2023

Ngô Hoàng Quỳnh Anh

Đinh Cẩm Hồng

Vũ Lương Ngọc Anh

Ngô Kim Chi

***Tóm tắt:** Với sự phát triển kinh tế nhanh chóng trong năm thập kỷ qua, khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã trở thành điểm đến hàng đầu của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Bài báo nghiên cứu mối quan hệ giữa FDI và Các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) tại 56 quốc gia trong khu vực giai đoạn 2017 - 2023, được phân loại thành nhóm quốc gia phát triển và đang phát triển. Áp dụng phương pháp định lượng, nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy để đánh giá tác động của FDI lên bốn trụ cột chính: con người, hành tinh, thịnh vượng, hòa bình và quan hệ đối tác. Kết quả cho thấy, FDI tác động tiêu cực đáng kể đến SDGs, đặc biệt là môi trường, trong khi ảnh hưởng đến yếu tố con người không rõ ràng. FDI vào các quốc gia phát triển có xu hướng gia tăng căng thẳng quốc tế, trái ngược với các nước đang phát triển. Những phát hiện này nhấn mạnh sự cần thiết của các chính sách nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực và tối ưu hóa vai trò của FDI trong việc thúc đẩy SDGs tại châu Á - Thái Bình Dương.*

***Từ khóa:** Bền vững môi trường; Châu Á - Thái Bình Dương; Đầu tư trực tiếp nước ngoài; Mục tiêu phát triển bền vững.*

## **Đặt vấn đề**

Năm 2015, Liên Hợp Quốc (LHQ) đã thông qua Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững, đặt ra 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) với kỳ vọng xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường tự nhiên và xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng (LHQ, 2015). Các SDGs không chỉ giới hạn trong phát triển kinh tế mà còn bao hàm các khía cạnh xã hội và môi trường, mang tính toàn cầu và có sự liên kết mật thiết với nhau. Tuy nhiên, việc hiện thực hóa các mục tiêu này đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn và sự hợp tác đa

phương. Trong bối cảnh khu vực công đóng vai trò nòng cốt trong việc huy động vốn cho các dự án SDG, khu vực tư nhân, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), được xem là nguồn tài chính quan trọng hỗ trợ thực hiện SDGs, thúc đẩy sự phát triển bền vững (UNCTAD, 2014).

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương (TBD), với tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng trong suốt năm thập kỷ qua, đã trở thành điểm đến hàng đầu cho FDI. Năm 2022, tổng giá trị FDI vào khu vực này đạt 279,7 tỷ USD, trong đó Ấn Độ, Úc, Việt Nam, Malaysia, Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc là những quốc gia

thu hút dòng vốn lớn nhất. FDI không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua tạo việc làm và mở rộng sản xuất, mà còn góp phần đạt được các SDGs như giảm nghèo (SDG 1), đảm bảo việc làm bền vững (SDG 8) và đổi mới công nghệ (SDG 9). Tuy nhiên, nếu không được quản lý hiệu quả, FDI có thể gây ra những hệ lụy như bất bình đẳng thu nhập (Herzer và Nunnenkamp, 2013) hoặc tác động tiêu cực đến môi trường (Acharyya, 2009).

Nghiên cứu này tập trung phân tích mối quan hệ giữa FDI với việc thực hiện các SDGs tại các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương trong giai đoạn 2017 - 2023. Cụ thể, bài báo sẽ đánh giá tác động của FDI đối với ba khía cạnh của mục tiêu phát triển bền vững về tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đồng thời, nghiên cứu cũng xác định các cơ hội và thách thức mà FDI có thể mang lại trong việc thực hiện SDGs. Trên cơ sở đó, bài viết hướng đến cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho các nhà hoạch định chính sách, nhằm tối ưu hóa vai trò của FDI trong việc thúc đẩy phát triển bền vững tại khu vực Châu Á - TBD.

## 1. Tổng quan nghiên cứu

### 1.1. Mục tiêu phát triển bền vững tại châu Á - Thái Bình Dương

Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), còn được gọi là mục tiêu toàn cầu, là những mục tiêu phổ quát được thiết kế để chống đói nghèo và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mọi quốc gia thành viên LHQ. Theo UNESCAP (2020), Châu Á - TBD có tiến bộ trong SDG4 (Giáo dục chất lượng) và SDG7 (Năng lượng sạch), nhưng SDG12 (Tiêu dùng bền vững) và SDG13 (Hành động vì khí hậu) lại thụt lùi. UNESCAP (2020) cũng cảnh báo rằng, khu vực này khó đạt được bất kỳ SDG nào đúng hạn nếu không có hành động quyết liệt hơn.

Do tính cấp thiết và toàn cầu của SDGs, nhiều nghiên cứu tại khu vực châu Á - TBD đã được tiến hành để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới chúng. Các yếu tố đó bao gồm: Nghèo đói và bất bình đẳng thu nhập (Khan và cộng sự, 2022); Bền vững về năng lượng và môi trường (Pandey và Asif, 2022); Tiến bộ công nghệ (Sinha và cộng sự, 2020). Trong đó, FDI được đánh giá là yếu tố có thể hỗ trợ các thể chế nâng cao năng lực quản lý môi trường, góp phần giảm phát thải và thúc đẩy phát triển bền vững, nhưng cũng có thể làm gia tăng bất bình đẳng nếu không được phân bổ hợp lý. Như vậy, FDI có ảnh hưởng quan trọng tới các mục tiêu phát triển bền vững, các tài liệu hiện có cũng phân tích những đóng góp của nó, bao gồm chuyển giao công nghệ, phổ biến kiến thức và tăng cường đầu tư vốn.

### 1.2. Mối quan hệ giữa vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và mục tiêu phát triển bền vững (SDG) tại châu Á - TBD

Phần lớn các nghiên cứu về FDI và mục tiêu phát triển bền vững tập trung ở châu Á, chiếm tới 65,53% tổng số bài báo được công bố, cho thấy mức độ quan tâm và hoạt động nghiên cứu mạnh mẽ trong khu vực này (Rodríguez-Chávez và cộng sự, 2024). Aust và cộng sự (2020) đã phân tích mối liên hệ giữa FDI và SDG tại các nước châu Phi, sử dụng thang đo là toàn bộ 17 SDG cho thấy FDI hỗ trợ SDG1 (Xóa đói giảm nghèo), SDG7 (Năng lượng sạch) và SDG9 (Công nghiệp, hạ tầng), nhưng lại ảnh hưởng tiêu cực đến SDG13 (Hành động vì khí hậu), phù hợp với giả thuyết "nơi ẩn giấu ô nhiễm". Tuy nhiên, Fang (2021) chỉ ra rằng, FDI từ Trung Quốc lại có tác động tích cực đến SDG13, trong khi Ridzuan và cộng sự (2017) cho thấy FDI góp phần tăng trưởng bền vững tại Singapore.

Ngoài các nghiên cứu trên, các nghiên cứu khác thường tập trung vào các SDG riêng lẻ thay vì tất cả các mục tiêu. Bhat và cộng sự

(2024) nhận định, FDI có lợi cho SDG2 (Xóa đói), SDG5 (Bình đẳng giới) và SDG15 (Cuộc sống trên đất liền) nhưng ảnh hưởng tiêu cực đến SDG12 (Sản xuất, tiêu dùng bền vững). Ahmad và cộng sự (2019) phát hiện FDI tác động mạnh hơn đến giảm nghèo ở Nam Á so với Đông Nam Á. Một nghiên cứu khác tại các nước lại cho rằng trong ngắn hạn, dòng vốn FDI không có tác động lan tỏa giúp giảm nghèo ngay lập tức; tuy nhiên, trong dài hạn, FDI lại có tác động tích cực cải thiện điều kiện sống và giảm nghèo một cách bền vững (Aderemi và cộng sự, 2023).

Từ các nghiên cứu trên, nhóm tác giả rút ra được những khoảng trống nghiên cứu sau: Thứ nhất, các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra những kết quả trái ngược nhau về tác động của FDI đến môi trường và mục tiêu phát triển bền vững. (1) Giả thuyết về nơi ẩn giấu ô nhiễm: FDI từ các nước giàu có thể gây ô nhiễm ở các nước đang phát triển và (2) Lý thuyết đường cong môi trường Kuznets: FDI có thể cải thiện môi trường trong dài hạn nếu đi kèm với công nghệ sạch. Sự thiếu thống nhất này cho thấy cần có nghiên cứu sâu hơn để hiểu rõ cơ chế ảnh hưởng của FDI đến môi trường trong các bối cảnh khác nhau. Thứ hai, hầu hết nghiên cứu chỉ xét SDGs riêng lẻ hoặc trong phạm vi khu vực nhất định, chưa có đánh giá toàn diện về FDI và tất cả 17 SDGs. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ khám phá tác động của FDI tới tất cả 17 SDGs để đạt được cái nhìn toàn diện về mối quan hệ giữa hai yếu tố này. Cuối cùng, các nghiên cứu khác mới chủ yếu tập trung vào từng quốc gia hoặc khu vực cụ thể và chưa có nhiều nghiên cứu so sánh tác động của FDI đến SDGs giữa các nhóm quốc gia có mức thu nhập khác nhau (cao, trung bình, thấp) trong cùng một khu vực rộng hơn. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ so sánh tác động của FDI tới việc thực hiện SDG ở 2 nhóm nước là phát triển

(PT) và đang phát triển (ĐPT) tại khu vực châu Á - TBD.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài báo là phương pháp định lượng. Nhóm tác giả sẽ xem xét tài liệu một cách toàn diện, phân tích có hệ thống các nghiên cứu hiện có về FDI và SDG ở Châu Á - TBD để xác định khoảng trống nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết. Nghiên cứu sử dụng phân tích hồi quy tuyến tính cung cấp dạng mô hình đơn giản nhất để mô hình hóa hàm hồi quy dưới dạng kết hợp tuyến tính của các yếu tố dự đoán. Hơn nữa, hồi quy tuyến tính là nền tảng cho nhiều công cụ lập mô hình hiện đại. Đặc biệt, khi cỡ mẫu nhỏ hoặc tín hiệu tương đối yếu, hồi quy tuyến tính thường cung cấp giá trị gần đúng thỏa đáng cho hàm hồi quy cơ bản (Su và cộng sự, 2012).

### 2.1. Quy trình thu thập dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 56 quốc gia thuộc khu vực châu Á - TBD trong giai đoạn 2017 - 2023. Các quốc gia này được chia thành hai nhóm: nước PT và nước ĐPT, nhằm phân tích và so sánh tác động của FDI lên SDG và từ đó đề xuất các chính sách phù hợp cho từng nhóm. Trong mô hình nghiên cứu, biến giải thích chính là FDI. Các biến phụ thuộc (SDGs) là các chỉ số khác nhau đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu SDG bởi Liên Hợp Quốc, với thang điểm từ 0 đến 100 (hoàn thành), bao gồm:

- Điểm SDG tổng thể: đo lường tiến độ tổng thể của mỗi quốc gia để đạt được tất cả 17 SDG, tính bằng trung bình cộng điểm số của 17 SDG. Điểm 100 có nghĩa tất cả các SDG đã đạt được.

- Điểm Spillover: Theo Báo cáo phát triển bền vững 2024, hành động của mỗi quốc gia có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến khả năng đạt được các SDG của các quốc gia khác.

Chỉ số lan tỏa (Spillover Index) đánh giá các tác động lan tỏa như vậy theo ba khía cạnh: tác động môi trường và xã hội thể hiện trong thương mại, kinh tế, tài chính và an ninh. Điểm càng cao có nghĩa là một quốc gia tạo ra nhiều tác động tích cực hơn và ít tác động tiêu cực hơn đến các quốc gia khác.

- Điểm của 17 SDGs: Điểm số của từng SDG được tính từ trung bình cộng của nhiều chỉ số thành phần đã được chuẩn hóa về thang 0-100.

- Điểm 4 trụ cột: People (Con người - SDG1, 2, 3, 4, 5), Planet (Hành tinh - SDG6, 12, 13, 14, 15), Prosperity (Thịnh vượng - SDG7, 8, 9, 10, 11), Peace and Partnership - PP (Hòa bình và quan hệ đối tác - SDG16, 17)

dựa trên phân loại của United Nations (2015). Điểm mỗi trụ cột được xác định bằng trung bình cộng điểm các SDG thành phần.

Các biến kiểm soát bao gồm tăng trưởng GDP (GDP), tổng chi tiêu quốc gia (GNE), tỷ lệ dân số đô thị (UrbanPop), tỷ lệ lao động nữ (FeLabor), tỷ lệ nhập học trung học (SecEnroll), thuê bao di động trên 100 dân (MobileSubs), kiểm soát tham nhũng (CC) và mức độ (Dlevel).

Bảng 1 mô tả ý nghĩa và đơn vị của các biến sử dụng trong mô hình. Dựa trên kết quả các nghiên cứu trước đó, nhóm tác giả kỳ vọng biến độc lập FDI và các biến kiểm soát có tác động tích cực đến điểm số thực hiện các mục tiêu SDG ở các quốc gia châu Á - TBD.

BẢNG 1. MÔ TẢ BIẾN SỐ

Biến	Mô tả biến	Nguồn dữ liệu	Dấu kỳ vọng	Nghiên cứu liên quan
<b>Biến phụ thuộc</b>				
SDGs	Các chỉ số Mục tiêu Phát triển bền vững (Điểm 0 - 100)	SDG Dashboard		Aust và cộng sự (2020)
<b>Biến độc lập</b>				
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nước i, theo % GDP	World Bank	+	Aust và cộng sự (2020)
<b>Biến kiểm soát</b>				
GDP	Tăng trưởng GDP hằng năm	World Bank	+	Aust và cộng sự (2020)
GNE	Tổng chi tiêu quốc gia, theo % GDP	World Bank	+	Aust và cộng sự (2020)
UrbanPop	Tỷ lệ dân số đô thị trên tổng dân số	World Bank	+	Aust và cộng sự (2020)
FeLabor	Tỷ lệ lao động nữ trên lực lượng lao động	World Bank	+	Achuo và cộng sự (2023)
SecEnroll	Tỷ lệ nhập học trung học	World Bank	+	Delavallade và cộng sự (2021)
MobileSubs	Số thuê bao di động trên 100 người	World Bank	+	Rotondi và cộng sự (2020)
CC	Kiểm soát tham nhũng	World Bank	+	Ahmed và Anifowose (2023)
Dlevel	Mức độ: 0 = ĐPT, 1 = PT	Nhóm tác giả	+	Aust và cộng sự (2020)

Nguồn: Nhóm tác giả.

### 2.2. Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu được đề xuất trong nghiên cứu này như sau:

$$SDGs_{it} = \beta_0 + \beta_1 * FDI_{it} + Control_{it} + u_{it}$$

$$\text{hay } SDGs_{it} = \beta_0 + \beta_1 * FDI_{it} + \beta_2 * GDP_{it} + \beta_3 * GNE_{it} + \beta_4 * UrbanPop_{it} + \beta_5 * FeLabor_{it} + \beta_6 * SecEnroll_{it} + \beta_7 * MobileSubs_{it} + \beta_8 * CC_{it} + \beta_9 * Dlevel_{it} + u_{it}$$

Các biến số được sử dụng trong mô hình được giải thích trong Bảng 1. Trong đó, Control đại diện cho các biến kiểm soát được sử dụng, i đại diện cho quốc gia, t đại diện chuỗi thời gian 2017 đến 2023,  $\beta_0$  là hằng số,  $\beta_1 \dots \beta_n$  là hệ số tương quan, và  $u_{it}$  là sai số ngẫu nhiên.

Các phương pháp ước lượng được thực hiện trên dữ liệu bảng bao gồm hồi quy Pooled OLS, mô hình hiệu ứng cố định (FEM) và mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM). Trước hết, nhóm tác giả thực hiện kiểm định hệ số phóng đại phương sai (VIF) để kiểm tra sự tồn tại của đa cộng tuyến. F-test và kiểm định Hausman được thực hiện để lựa chọn mô hình phù hợp nhất, theo đó là kiểm định Modified Wald và Wooldridge để kiểm tra phương sai sai số thay đổi và tự tương quan. Cuối cùng, mô hình được ước lượng lại với phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS) nhằm điều chỉnh khuyết tật mô hình và nâng cao độ chính xác.

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

BẢNG 2. MÔ TẢ THỐNG KÊ CÁC ĐIỂM SỐ SDG

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
SDG tổng	224	68,79	6,18	46,24	80,18
Spillover	224	89,02	14,81	12,37	99,68
People	216	74,12	9,68	32,82	88,94
Planet	166	67,74	7,44	36,05	79,49
Prosperity	205	65,9	10,22	38,36	88,85
PP	224	63,21	8,83	44,27	89,41
SDG1	216	91,35	12,35	12,41	100

### 3.1. Kết quả thống kê mô tả

Nhìn chung từ Bảng 2, điểm số SDG ở các quốc gia châu Á-TBD ở mức trung bình cao, với SDG tổng thể có giá trị trung bình 68,79. Độ lệch chuẩn của các mục tiêu từ 1 đến 17 đều lớn hơn 10 cũng như cách biệt lớn giữa giá trị lớn nhất và nhỏ nhất, cho thấy có sự phân hóa mạnh về tiến trình SDG ở khu vực này. Trong trụ cột People, các mục tiêu như SDG1 (Xóa đói giảm nghèo) đạt điểm trung bình cao (91,35), nhưng SDG 5 (Bình đẳng giới) lại có điểm trung bình thấp (59,46), cho thấy vẫn còn thách thức lớn trong việc thúc đẩy bình đẳng giới. Trụ cột Planet phản ánh sự quan tâm đến bảo vệ môi trường, đặc biệt là SDG13 (Chống biến đổi khí hậu), với điểm trung bình cao (81,03), nhưng SDG14 (Sự sống dưới nước) có mức thấp hơn hẳn (54,53), chỉ ra vấn đề bảo vệ biển và tài nguyên nước. Trụ cột Prosperity cho thấy nỗ lực trong phát triển kinh tế, đặc biệt là SDG8 (Tăng trưởng kinh tế bền vững), nhưng sự phân hóa lớn giữa các quốc gia về công nghiệp và cơ sở hạ tầng (SDG9 với độ lệch chuẩn 24,53) cho thấy cần cải thiện hơn nữa. Cuối cùng, trong Peace and Partnership (PP), các mục tiêu SDG16 (Hòa bình và công lý) và SDG17 (Quan hệ đối tác toàn cầu) cho thấy sự cần thiết phải củng cố thể chế và tăng cường hợp tác quốc tế để đạt được các mục tiêu SDGs, với điểm trung bình của SDG17 (58,46) chỉ ra sự cần thiết phải thúc đẩy hợp tác mạnh mẽ hơn.

SDG2	224	57,77	10,62	28,86	83,4
SDG3	224	74,09	13,42	36,64	96,45
SDG4	224	86,03	15,8	6,94	99,75
SDG5	224	59,46	13,97	21,35	91,37
SDG6	224	72,61	12,27	39,4	97,51
SDG7	224	74,6	14,81	33,4	96,85
SDG8	224	70,32	11,96	31,18	95,05
SDG9	224	45,45	24,53	1,8	99,13
SDG10	205	65,07	18,05	11	100
SDG11	224	74,43	16,68	13,97	100
SDG12	224	78,33	15,2	16,31	98,24
SDG13	224	81,03	19,5	0	99,06
SDG14	166	54,53	12,21	5,8	80,77
SDG15	224	56,67	10,64	26,19	75,08
SDG16	224	67,96	12	35,34	92,61
SDG17	224	58,46	10,6	27,46	100

*Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ SDG Dashboard.*

Dữ liệu từ Bảng 3 một lần nữa cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa các quốc gia trong khu vực Châu Á - TBD. FDI đạt trung bình 3,58 và độ lệch chuẩn 5,76 cho thấy sự biến động mạnh về mức độ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, có thể liên quan đến SDG8 (Tăng trưởng kinh tế và việc làm đầy đủ). GDP phản ánh sự phân hóa lớn trong phát triển kinh tế, với phạm vi từ -32,91 đến 37,51. GNE có giá trị trung bình 103,68 và độ lệch chuẩn 14,38, chỉ ra sự đa dạng trong mức chi tiêu quốc gia. Các chỉ số như UrbanPop (trung bình 55,85 và độ lệch chuẩn 21,95), MobileSub (trung bình 124,20 và độ lệch chuẩn 26,54) chỉ ra sự phát triển không đồng đều trong đô thị hóa và công

nghệ cơ sở hạ tầng liên quan đến trụ cột Prosperity. Thống kê của FeLabor và SecEnroll phản ánh bất bình đẳng về giới tính trong lao động (SDG5) và về cơ hội tiếp cận giáo dục (SDG4). Biên CC (kiểm soát tham nhũng) có giá trị trung bình -0,1187 và độ lệch chuẩn 1,0079, cho thấy mức độ kiểm soát tham nhũng khác nhau giữa các quốc gia, điều này có thể ảnh hưởng đến các mục tiêu hòa bình và thể chế. Cuối cùng, Dlevel có trung bình 0,15 và độ lệch chuẩn 0,36, phản ánh sự khác biệt rõ rệt về mức độ phát triển giữa các quốc gia khi chiếm đa số khu vực này là các quốc gia đang phát triển.

BẢNG 3. THỐNG KÊ MÔ TẢ CÁC BIẾN ĐỘC LẬP

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
FDI	229	3,58	5,76	-5,68	34,95
GDP	231	3,45	5,68	-32,91	37,51
GNE	231	103,68	14,38	60,03	141,11
UrbanPop	231	55,85	21,95	18,38	100,00
FeLabor	231	39,20	9,36	6,85	51,22
SecEnroll	231	90,09	18,77	35,85	153,58
MobileSub	231	124,20	26,54	55,00	190,53
CC	231	-0,1187	1,0079	-1,5301	2,1959
Dlevel	231	0,15	0,36	0,00	1,00

Nguồn: Nhóm tác giả.

Các biến độc lập có mối quan hệ khá mạnh với SDG tổng thể, đặc biệt là SecEnroll với hệ số tương quan 0,6957, cho thấy giáo dục đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững. UrbanPop, MobileSub, CC cũng có mối tương quan tích cực với SDG tổng thể (trên 0,5), cho thấy sự phát triển đô thị, công nghệ và môi trường chính trị có thể ảnh hưởng tích cực đến các mục tiêu SDG. GDP và GNE mặc dù có mối tương quan yếu với SDG tổng thể, nhưng vẫn có thể là các yếu tố quan trọng trong bối cảnh phát triển kinh tế. Ngoài ra,

trong mối quan hệ giữa các biến với nhau, UrbanPop có mối tương quan mạnh với SecEnroll (0,5888) và CC (0,6504), cho thấy rằng sự gia tăng dân số đô thị có thể thúc đẩy sự phát triển của giáo dục và môi trường chính trị. MobileSub và FeLabor có mối quan hệ tích cực với nhau (0,4294). Cuối cùng, mức độ phát triển (Dlevel) có mối tương quan khá cao với SDG tổng thể (0,5223) phản ánh rằng các quốc gia phát triển có khả năng đạt được các mục tiêu SDG tốt hơn.

### 3.2. Kết quả phân tích hồi quy

BẢNG 4. KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG TÁC ĐỘNG CỦA FDI LÊN ĐIỂM SDG TỔNG THỂ, ĐIỂM SPILLOVER VÀ 4 TRỤ CỘT SDG CHÍNH

	SDG tổng	Spillover	(1) People	(2) Planet	(3) Prosperity	(4) PP
FDI	- 0,183***	-0,358***	-0,0124	-0,304***	-0,283***	-0,0526
FDI (PT)	-0,360***	-1,556***	0,0012	-0,772***	-0,0502	-0,578***
FDI (ĐPT)	-0,041	0,0209	0,0524	-0,156*	-0,233*	0,459***

\* $p < 0,1$ ; \*\* $p < 0,05$ ; \*\*\* $p < 0,01$

Nguồn: Nhóm tác giả.

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 4 chỉ ra rằng, FDI nghịch biến với điểm SDG tổng thể và Spillover. Cụ thể, hệ số âm (-0,183) chỉ ra rằng FDI ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng đạt được mục tiêu SDG tổng thể của các quốc gia châu Á-TBD. Các tác động tiêu cực này có thể liên quan đến những vấn đề như ô nhiễm môi trường, bất bình đẳng xã hội, và sự phân hóa kinh tế, phù hợp với các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng FDI nếu không được quản lý hiệu quả sẽ gây ra các tác động phụ không mong muốn (UNCTAD, 2020). Ngược lại, chỉ tiêu quốc gia (0,070), dân số đô thị (0,0958), tỷ lệ lao động nữ trong dân số (0,216), tỷ lệ tham gia giáo dục trung học (0,0621), và kết nối di động (0,044) đều có tác động tích cực đến tiến trình thực hiện

SDG. Trong khi đó, tỷ lệ tăng GDP và kiểm soát tham nhũng không có ý nghĩa thống kê. Mức độ phát triển có hệ số dương (3,652) xác nhận rằng các nước PT có SDG tổng thể tốt hơn nhiều so với ĐPT. Đồng thời, FDI vào các quốc gia khu vực này cản trở tác động tích cực lan tỏa tới các quốc gia khác, với hệ số Spillover là -0,358. Kết quả còn cho thấy mối quan hệ nghịch biến giữa FDI và điểm SDG mạnh mẽ hơn ở các nước PT so với ĐPT. Ở cả hai nhóm, FDI cho thấy tác động tiêu cực rõ rệt lên các trụ cột Planet và Prosperity, trong khi tác động lên People không có ý nghĩa thống kê rõ ràng. Riêng trụ cột PP ghi nhận kết quả đối lập giữa hai nhóm.

BẢNG 5. KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG TÁC ĐỘNG CỦA FDI LÊN CÁC SDG CỦA TRỤ CỘT PEOPLE VÀ PLANET

Biến	(1) People					(2) Planet				
	G1	G2	G3	G4	G5	G6	G12	G13	G14	G15
FDI (PT)	-0,05***	0,11**	0,03*	0,03	-0,17***	-0,39***	-0,76***	-1,07***	-0,8***	-0,84***
FDI (ĐPT)	0,13	-0,31***	-0,037	0,37**	0,34***	0,38**	-0,35**	-0,31	-0,44*	-0,67***

\* $p < 0,1$ ; \*\* $p < 0,05$ ; \*\*\* $p < 0,01$

Nguồn: Nhóm tác giả.

(1) Nhìn chung ở khu vực châu Á - TBD, FDI không có tác động đáng kể đến các SDG về con người, bao gồm xóa nghèo, giáo dục, sức khỏe và bình đẳng giới. Cụ thể, FDI vào các quốc gia PT có xu hướng tạo ra tác động tiêu cực đối với các mục tiêu về giảm nghèo (SDG 1), bình đẳng giới (SDG 5). Hai kết quả này phản ánh sự gia tăng bất bình đẳng và cho thấy rằng các lợi ích của FDI không được phân phối công bằng. Đối với SDG2 - Xóa đói, SDG 3 - Sức khỏe và Phúc lợi tốt và SDG 4 - Giáo dục, hệ số của FDI dương nhưng ý nghĩa thống kê yếu cho thấy rằng

FDI có thể có tác động tích cực nhưng chưa đáng kể trong lĩnh vực an ninh thực phẩm, giáo dục và y tế cộng đồng (Bhat và cộng sự, 2024). Các kết quả này phù hợp với nghiên cứu trước đây của Aderemi et al. (2023), cho thấy FDI trong các quốc gia PT không phải luôn dẫn đến sự cải thiện trong các mục tiêu con người, mà đôi khi làm trầm trọng thêm các vấn đề bất bình đẳng. Ngược lại, FDI vào các quốc gia ĐPT có tác động tích cực đến một số mục tiêu như giáo dục và bình đẳng giới với hệ số dương 0,3336 và 0,367 có ý nghĩa thống kê mức 1%. Điều này phản ánh

rằng FDI có các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng giáo dục, đào tạo nghề đang góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thúc đẩy quyền lợi của phụ nữ trong các quốc gia này, giống kết quả Bhat và cộng sự (2024). Tuy nhiên, FDI vào các quốc gia ĐPT cũng có tác động tiêu cực đáng kể đến SDG 2 (Xóa đói), với hệ số -0,311 mức ý nghĩa 1%. Điều này chỉ ra rằng, FDI vào các quốc gia này không hẳn góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo, mà có thể chủ yếu hướng vào các ngành công nghiệp khai thác tài nguyên thiên nhiên thay vì phát triển bền vững trong nông nghiệp và an ninh lương thực, như đã được chỉ ra bởi Alfaro et al. (2004).

(2) Tác động tiêu cực của FDI lên các SDG về hành tinh - môi trường khá tương tự cho cả 2 nhóm nước, trừ SDG 6 (Nước sạch

và vệ sinh). FDI vào các quốc gia PT làm tăng áp lực lên tài nguyên nước (-0,395), trong khi FDI vào các quốc gia ĐPT có tác động tích cực (0,379), giúp cải thiện cơ sở hạ tầng nước sạch và vệ sinh, giống nghiên cứu của Aust và cộng sự (2020). Đối với các SDG còn lại, bao gồm SDG 12 (Sản xuất và tiêu dùng bền vững), SDG 13 (Hành động khí hậu), SDG 14 (Sự sống dưới nước) và SDG 15 (Sự sống trên đất liền), FDI vào các quốc gia đều có tác động tiêu cực với hệ số lớn hơn ở các nước PT. FDI vào các quốc gia châu Á - TBD vẫn đang có xu hướng đổ vào các ngành công nghiệp ô nhiễm và khai thác tài nguyên, gây ra sự suy thoái môi trường và khí hậu. Kết quả tiêu cực này đồng nhất với Aust và cộng sự (2020), Bhat và cộng sự (2024) nhưng trái với Fang (2021).

**BẢNG 6. KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG TÁC ĐỘNG CỦA FDI LÊN CÁC SDG CỦA TRỤ CỘT PROSPERITY VÀ PP**

Biến	(3) Prosperity					(4) PP	
	SDG7	SDG8	SDG9	SDG 10	SDG 11	SDG 16	SDG 17
FDI (PT)	-0,0103	-0,415***	0,188*	-0,975***	0,270**	-0,222***	-0,910***
FDI (ĐPT)	0,135	0,0336	-0,429**	-0,0874	0,242	0,377***	0,412***

\* $p < 0,1$ ; \*\* $p < 0,05$ ; \*\*\* $p < 0,01$

*Nguồn: Nhóm tác giả.*

(3) Tác động của FDI lên các SDG trong trụ cột Prosperity - Thịnh vượng cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa các quốc gia PT và các quốc gia ĐPT. Đối với FDI vào các quốc gia PT, tác động tiêu cực lên SDG 8 (Tăng trưởng kinh tế và việc làm đầy đủ) (-0,415) và SDG 10 (Giảm bất bình đẳng) (-0,975) cho thấy FDI có thể không đóng góp vào việc thúc đẩy tăng trưởng công bằng và làm gia tăng bất bình đẳng trong xã hội. UNCTAD (2020) đã chỉ ra rằng, FDI có thể làm gia tăng sự phân hóa thu

nhập trong các nền kinh tế. Mặc dù vậy, FDI vào các quốc gia PT có tác động tích cực ở mức ý nghĩa 10% đến SDG 9 (Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng) và SDG 11 (Thành phố bền vững), giống với Fang (2021), phản ánh rằng FDI giúp phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng ở một mức độ nhất định nhưng hiện tại chưa đủ để thay đổi cơ bản bức tranh phát triển bền vững tại các quốc gia này. Trái ngược với các quốc gia PT, FDI vào các quốc gia ĐPT không tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ

trong việc thúc đẩy các mục tiêu phát triển thịnh vượng, khác với nghiên cứu của Aust và cộng sự (2020) và Fang (2021). Các tác động của FDI cần thời gian để hiện rõ và phát huy tối đa hiệu quả, phụ thuộc vào các yếu tố như khả năng của quốc gia trong việc hấp thụ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ FDI (Borensztein và cộng sự, 1998).

(4) Đồng nhất với kết quả phân tích trước đó của FDI lên trụ cột hòa bình và hợp tác quốc tế, FDI có tác động tiêu cực lên SDG 16 và 17 với các nước PT (-0,222 và -0,910) và tích cực đối với các nước ĐPT (0,377 và 0,412). Kết quả này có thể do các quốc gia PT đã có nền tảng chính trị và thể chế ổn định hoặc FDI trong các quốc gia này thường tập trung vào lợi ích kinh tế hơn là phát triển bền vững và công bằng. Ngược lại, FDI vào các quốc gia ĐPT có thể hỗ trợ xây dựng thể chế mạnh mẽ hơn, cải thiện quan hệ quốc tế và xây dựng hòa bình ở các quốc gia ĐPT, tương đồng kết luận của Aust và cộng sự (2020) và Bak và cộng sự (2024).

### **Kết luận và hàm ý**

Bài viết nghiên cứu tác động của FDI đến việc thực hiện các SDG tại 56 quốc gia châu Á - TBD trong 7 năm từ 2017-2023. FDI ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng đạt được SDG tổng thể của các quốc gia châu Á - TBD, đồng thời cản trở mặt tích cực từ các tác động lan tỏa, với hiệu ứng mạnh mẽ hơn ở các nước PT so với các nước ĐPT. FDI tác động tiêu cực rõ rệt lên các mục tiêu môi trường và thịnh vượng, trong khi tác động lên yếu tố con người và xã hội không có ý nghĩa thống kê rõ ràng. Đối với mục tiêu hòa bình, thể chế và hợp tác quốc tế bền vững, FDI vào các nước PT có xu hướng làm gia tăng căng thẳng quốc tế nhưng ngược lại với FDI vào các nước ĐPT. Như vậy, kết quả của nghiên cứu này chỉ ra rằng, chính phủ các quốc gia cần áp dụng các chiến lược rõ ràng nhằm quản lý và điều hướng FDI

một cách bền vững và giảm thiểu ô nhiễm, bất bình đẳng xã hội, cũng như các tác động tiêu cực đối với các quốc gia khác.

Trước hết, cần có sự điều chỉnh trong quản lý FDI để hướng dòng vốn vào các lĩnh vực bền vững, thay vì các ngành có thể gây tổn hại đến môi trường và xã hội. Các quốc gia PT cần thắt chặt quy định đối với các khoản đầu tư vào ngành công nghiệp khai thác tài nguyên và tiêu thụ năng lượng cao, đồng thời khuyến khích FDI vào lĩnh vực công nghệ sạch và đổi mới sáng tạo. Ở các quốc gia ĐPT, cần có chính sách thu hút FDI vào những lĩnh vực mang lại giá trị lâu dài như giáo dục, y tế và phát triển hạ tầng, nhằm tối ưu hóa lợi ích mà FDI mang lại. Bên cạnh đó, các chính sách cũng cần tập trung vào việc kiểm soát tác động môi trường của FDI. Các quốc gia cần thiết lập các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt hơn đối với các doanh nghiệp FDI, đồng thời khuyến khích các công ty đa quốc gia đầu tư vào các mô hình kinh doanh thân thiện với môi trường. Điều này có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của FDI đối với tài nguyên thiên nhiên và biến đổi khí hậu. Ngoài ra, để FDI thực sự đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững, cần tăng cường hợp tác quốc tế và cải thiện thể chế. Các quốc gia cần xây dựng các chính sách minh bạch, tạo môi trường kinh doanh ổn định và tăng cường năng lực quản lý để đảm bảo rằng FDI mang lại lợi ích thực sự cho nền kinh tế và xã hội. Việc hợp tác với các tổ chức quốc tế và khu vực để chia sẻ kinh nghiệm và xây dựng khung chính sách chung sẽ giúp các nước tận dụng tốt hơn các cơ hội từ FDI, đồng thời giảm thiểu rủi ro liên quan.

Tóm lại, FDI không tự động mang lại lợi ích cho phát triển bền vững mà phụ thuộc vào cách mỗi quốc gia quản lý và khai thác nguồn vốn này. Nếu có chính sách phù hợp, FDI có thể trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện chất lượng cuộc

sống và bảo vệ môi trường. Ngược lại, nếu không được kiểm soát chặt chẽ, FDI có thể gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực, làm suy giảm sự phát triển bền vững trong dài hạn. Do đó, các

chính phủ cần có cách tiếp cận linh hoạt và chủ động trong quản lý FDI để đảm bảo rằng nó thực sự đóng góp tích cực vào SDGs.

### Tài liệu tham khảo

1. Acharyya, N. J. (2009). Fdi, Growth And The Environment: Evidence From India On CO<sub>2</sub> Emission During The Last Two Decades. *Journal of Economic Development*, 34(1), 43–58. <https://doi.org/10.35866/caujed.2009.34.1.003>
2. Achuo, E. D., Nchofoung, T. N., Zanfack, L. J. T., & Epoge, C. E. (2023). The nexus between labour force participation and environmental sustainability: Global comparative evidence. *Heliyon*, 9(11), e21434. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e21434>
3. Aderemi, T. A., Opele, A. M., Olanipekun, W. D., & Al-Faryan, M. a. S. (2023). A panel analysis of FDI inflows and poverty reduction in BRICS countries: An implication for the sustainable development goal one. *Transnational Corporation Review*, 15(4), 35–41. <https://doi.org/10.1016/j.tncr.2023.08.003>
4. Ahmad, F., Draz, M. U., Su, L., Ozturk, I., Rauf, A., & Ali, S. (2019). Impact of FDI inflows on poverty reduction in the ASEAN and SAARC economies. *Sustainability*, 11(9), 2565. <https://doi.org/10.3390/su11092565>
5. Ahmed, A., & Anifowose, M. (2023). Corruption, corporate governance, and sustainable development goals in Africa. *Corporate Governance*, 24(1), 119–138. <https://doi.org/10.1108/cg-07-2022-0311>
6. Aust, V., Morais, A. I., & Pinto, I. (2020). How does foreign direct investment contribute to Sustainable Development Goals? Evidence from African countries. *Journal of Cleaner Production*, 245, 118823. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2019.118823>
7. Bak, D., Lee, H., & Biglaiser, G. (2024). The role of foreign direct investment in Post-Conflict economic recovery and Peace-Building. *Foreign Policy Analysis*, 21(1). <https://doi.org/10.1093/fpa/orae032>
8. Bhat, M. N., Beg, A., & Ikram, F. (2024). Navigating the Global Knowledge Economy: Temporal Effects of Regulatory environment and FDI on Sustainable Development in Asia–Pacific. *Journal of the Knowledge Economy*. <https://doi.org/10.1007/s13132-024-02299-9>
9. Borensztein, E., De Gregorio, J., & Lee, J. (1998). How does foreign direct investment affect economic growth? *Journal of International Economics*, 45(1), 115–135. [https://doi.org/10.1016/s0022-1996\(97\)00033-0](https://doi.org/10.1016/s0022-1996(97)00033-0)
10. Delavallade, C., Griffith, A., & Thornton, R. (2021). Effects of a Multi-Faceted Education Program on Enrollment, Learning and Gender Equity: Evidence from India. *The World Bank Economic Review*, 35(4), 950–968. <https://doi.org/10.1093/wber/lhaa025>
11. Fang, Y. (2021). Influence of foreign direct investment from China on achieving the 2030 Sustainable Development Goals in African countries. *Chinese Journal of Population Resources and Environment*, 19(3), 213–220. <https://doi.org/10.1016/j.cjpre.2021.12.023>
12. Herzer, D., & Nunnenkamp, P. (2013). Inward and outward FDI and income inequality: evidence from Europe. *Review of World Economics*, 149(2), 395–422. <https://doi.org/10.1007/s10290-013-0148-3>
13. Khan, S., Yahong, W., & Zeeshan, A. (2022). Impact of poverty and income inequality on the ecological footprint in Asian developing economies: Assessment of Sustainable Development Goals. *Energy Reports*, 8, 670–679. <https://doi.org/10.1016/j.egy.2021.12.001>
14. Pandey, A., & Asif, M. (2022). Assessment of energy and environmental sustainability in South Asia in

- the perspective of the Sustainable Development Goals. *Renewable and Sustainable Energy Reviews*, 165, 112492. <https://doi.org/10.1016/j.rser.2022.112492>
15. Ridzuan, A., Ismail, N., & Hamat, A. C. (2017). Does foreign direct investment successfully lead to sustainable development in Singapore? *Economies*, 5(3), 29. <https://doi.org/10.3390/economies5030029>
  16. Rodríguez-Chávez, C. A., Oré-Evanán, L. M., Zapata-Sánchez, G. G., Toribio-Lopez, A., & Eguiguren-Eguigurem, G. R. (2024). Foreign Direct Investment and Sustainable Development in Asia: Bibliometric analysis and systematic literature review. *Sustainability*, 16(23), 10718. <https://doi.org/10.3390/su162310718>
  17. Rotondi, V., Kashyap, R., Pesando, L. M., Spinelli, S., & Billari, F. C. (2020). Leveraging mobile phones to attain sustainable development. *Proceedings of the National Academy of Sciences*, 117(24), 13413–13420. <https://doi.org/10.1073/pnas.1909326117>
  18. Sinha, A., Sengupta, T., & Saha, T. (2020). Technology policy and environmental quality at crossroads: Designing SDG policies for select Asia Pacific countries. *Technological Forecasting and Social Change*, 161, 120317. <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2020.120317>
  19. Su, X., Yan, X., & Tsai, C. (2012). Linear regression. *Wiley Interdisciplinary Reviews Computational Statistics*, 4(3), 275–294. <https://doi.org/10.1002/wics.1198>
  20. UNESCAP. (2020). *Asia and the Pacific SDG progress report 2020*. United Nations. <https://repository.unescap.org/handle/20.500.12870/1654>
  21. UNCTAD (2014). *World investment report 2014: Investing in the SDGs: An action plan*. United Nations. [https://unctad.org/system/files/official-document/wir2014\\_en.pdf](https://unctad.org/system/files/official-document/wir2014_en.pdf)
  22. UNCTAD (2020). *World investment report 2020: International production beyond the pandemic*. United Nations Conference on Trade and Development. <https://unctad.org/publication/world-investment-report-2020>
  23. United Nations (2015). *Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development*. United Nations. <https://sdgs.un.org/2030agenda>
  24. United Nations (2025). Sustainable Development Solutions Network. <https://dashboards.sdindex.org/downloads>
  25. World Bank (2025). *World Development Indicators*. The World Bank. <https://data.worldbank.org/indicator>.

---

#### Thông tin tác giả:

##### 1. Ngô Hoàng Quỳnh Anh, ThS.

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Ngoại thương.
- Địa chỉ email: anh.nhq@ftu.edu.vn

Ngày nhận bài: 03/2/2025

Ngày nhận bản sửa: 28/2/2025

Ngày duyệt đăng: 10/3/2025

##### 2. Đinh Cẩm Hồng, Sinh viên.

- Đơn vị học tập: Trường Đại học Ngoại thương.

##### 3. Vũ Lương Ngọc Anh, Sinh viên.

- Đơn vị học tập: Trường Đại học Ngoại thương.

##### 4. Ngô Kim Chi, Sinh viên.

- Đơn vị học tập: Trường Đại học Ngoại thương.